

## BẢN LUẬN 19

Trong giải thích Luận nghị thứ mười bốn, có hai mươi bảy đoạn, trên đã giải thích năm đoạn, quyển này có hai mươi hai đoạn. Trong bốn Ngũ, Ngũ thứ nhất là tổng nêu, ba Ngũ sau là biệt. Giải thích Thiện thuyết, Thiện ngôn, Thiện luận, thì Thiện thuyết là tổng, hai Thiện sau là biệt, nói thể là Thiện ngôn, nói nghĩa là Thiện luận. Thiện ngôn và Thiện luận đều có ba tướng của Thiện thuyết, ba tướng của Thiện thuyết hoặc phối hợp riêng với ba câu sau, hoặc tùy theo chỗ thích ứng mà thông với ba câu sau. Nhưng luận này nêu ra Ái ngữ và Đế ngữ của thế gian, để hiển thị phản ảnh hai Ngũ của xuất thế gian, vì tụng đầu tiên là nêu Thánh ngữ, Ái ngữ của nó có bốn mươi ba câu nói. Ái ngữ có ba loại, là Uy dụ, Khánh duyệt và Thắng ích, rộng như luận kia nói. Trong bài tụng thứ hai, do tu hành Tín v.v... năm loại thiện sự mà đắc ba loại quả. “Đạt được chánh tín” là Tín; “hỗ thẹn ở nhà” là Tàm; “thọ trì giới” là Giới; “được y phục v.v...” là Thí; “chỗ có chánh pháp v.v...” là Pháp. Đây là giải thích câu thứ nhất. Từ câu “người kia đã thành tựu” trở xuống là giải thích ba câu dưới:

1. Danh dự quả, tức là câu thứ hai của bài tụng.

2. Giải thoát quả, trong chứng giải thoát xứ thanh tịnh chúng đồng phạm của chư Thiên, thì Vô lậu gọi là thanh tịnh, Thánh tự tại gọi là Thiên, đây là giải thích câu thứ ba của bài tụng.

3. Đắc sinh thiên quả, đây là giải thích câu thứ tư.

- Trong giải thích bài tụng thứ ba phân ba phần:

1. Giải thích câu thứ nhất.

2. Từ câu “các ác hành là chỗ phải mau chóng xa lìa”, đây là giải thích câu thứ hai và thứ ba. Các quả Bất thiện gọi là ác ngoại đạo, các tà khổ hạnh không lợi ích gọi là Nhân vô nghĩa, có thể xa lìa.

3. Từ câu “hoặc đối với Tăng thượng bốn Thánh đế v.v...” trở xuống, là giải thích của câu thứ tư. Lược nghĩa, trước nghe chánh pháp, như lý tư duy là câu thứ nhất; pháp tùy pháp hành, là câu thứ hai và thứ ba; đắc quả thắng lợi, là câu thứ tư.

Trong bài tụng thứ tư, có ba chữ “lại nữa”. Chữ “lại nữa” thứ hai nói: “Chỗ có ẩm thực, ngôn thuyết và du hành”, ba loại này như thứ tự là khen ngợi ba chỗ không nhiễm, nhưng xứ vô tướng trụ cũng các khổ khác đuổi theo, không gọi là cực viên mãn, hoặc vì tự lợi mà ẩm thực và du hành không nhiễm, hoặc vì lợi tha mà ngôn thuyết và du hành bất động, hai chữ du hành thông với hai lợi nói trên; xứ vô tướng trụ, cũng

như bơi trong ao trong mát; các khổ khác đuổi theo, gọi là khi chán bùn cấu trong biển sinh tử. Lại nữa, Tuệ giải thoát, Hữu học thân chứng và Câu giải thoát, như thứ tự ba chỗ đó, là do ba loại người đó Phiền não chướng và Tận định chướng chưa dứt hết, vì không phải hai chướng của phiền não đồng thời là, cho nên nói như thứ tự.

Trong lược nghĩa, lìa Dục của ba cõi, đối với ý chỉ của Phật thánh cũng như Hữu dư y, tức là các bậc Vô học gọi là Trí giả. Lìa tham của cõi Dục, thuộc Thắng tấn đạo, tức là câu thứ tư, gọi là Bất động vì đã lìa dục tham mà khởi thắng tấn đạo. Hoặc Hưởng thứ gồm cả quả và Hưởng thứ ba vì lìa dục tham mà khởi Thắng tấn đạo. Quả Bất hoàn của nó thì như bơi trong ao trong mát. Lại nữa, hiển ba thắng lợi là giải thoát, Đăng trì và Trí tuệ, là các giải thích nói về quán, vì quán quang minh xa lìa định chướng, thành Vô nhiễm Đăng trì; quán không không phải Ngã, là bất động trí tuệ chiếu soi đoạn dứt, như bơi trong ao trong mát. Lại nữa, hiển chỗ đắc quả của Tâm tuệ học, thì quả Tâm học gọi là Bất động, Tuệ học quả như bơi trong ao trong mát, hai học tâm và tuệ không nhiễm như hư không, hoặc như thứ tự tâm học quả và tuệ học quả như hư không không có nhiễm, tâm học như cờ phướn của Thiên đế, tuệ học như bơi trong ao trong mát.

Đoạn thứ năm, có năm bài tụng phân làm hai phần:

1. Bốn Dị sinh.
2. Một Thánh giả.

Thánh giả thì thấy đủ Pháp thân và Hóa thân của Phật, gọi là Pháp kiến; trong bốn Dị sinh đó, thứ nhất là loại người Dục tham tà phân biệt, thứ hai là loại người Thiên nhân bất định, thứ ba là loại người Nhục nhãn bất định, thứ tư là loại người trong ngoài đều chướng, đều không thể thấy. Kim Cương Bát-nhã ghi: “Nếu lấy sắc thấy Ta, lấy âm thanh tìm Ta, họ sinh Si tà kiến, không thể gặp được Ta”, tức Dị sinh này là chỗ nhiếp của bốn loại trước. Dị sinh kia là Nhị thừa sau, tuy đạt Đế lý nhưng chưa chứng Pháp thân, cũng không thể biết Sắc thân v.v... của Phật, không phải Đệ nhất nghĩa thì không gọi là có thể thấy hai thân trong ngoài.

Đoạn thứ sáu, trong một bài tụng có bốn đoạn:

1. Giải thích câu thứ nhất.
2. Từ câu “hoặc đã có vượt qua năm Bộc lưu” trở xuống, giải thích câu thứ hai, Định đồng thời với Ái vị gọi là Hữu nhiễm thời, nhưng Hữu trong Nhiễm ái vị này, chấp là chính mình có, “Ta có thể ưa thích Ái vị”, đối với Định ái vị chấp chặt không xả, nhiễm tâm sau này nhiễm

chỗ chấp thủ của tự tâm Ái định trước, Năng ái của nhiễm tâm sau đối với Sở ái của nhiễm tâm trước gọi là Tham nhiễm, do Ái này mà Khổ tương lai sinh, cũng gọi là Nhiễm. Đây là sinh phiền não không phải quyết định phiền não, cho nên nói là chiêu cảm sinh khởi, đây tức là tướng của Bộc lưu thứ sáu.

3. Từ câu “hoặc Nhiễm tự thủ đối với tâm Sở nhiễm” trở xuống, giải thích câu thứ ba. “Hoặc Nhiễm tự thủ”, là Nhiễm tâm sau, “đối với tâm Sở nhiễm”, là Định tâm trước, do Nhiễm Tâm sau đối với tâm Sở nhiễm kế trước có thể không tùy thuận, mà sinh Ái nhiễm, phát khởi công dụng nhiếp thọ một chỗ, khiến cho không tan mất, vì ngăn cho dứt nhiễm, cho nên tu Đối trị tác ý của Ý Bộc lưu thứ sáu, tâm Năng nhiễm này hiện tại cũng không có, có thể nhiễm ô đối với Tâm tương ứng, tức là chỗ Tâm tương ứng với không nhiễm, vì tự tánh thanh tịnh, gọi là tâm không nhiễm ô. Trong đây có ý nói, đối với tâm Sở nhiễm tùy theo công dụng, là Sở duyên trói buộc thì không có nhiễm ô, vì đối với tâm Vô nhiễm, là trói buộc tương ứng với hai thứ Phược và Ly, đang Khổ mà không sinh cũng gọi là Vô nhiễm, vì duyên trở lại Tham có thể nhuận sinh.

4. Từ câu “hoặc Hữu đối với Nhiễm ái vị kia tùy khởi công dụng” trở xuống, giải thích câu thứ tư.

Đoạn thứ bảy, “Thành trì”, là bên trong để nhiếp trì, bên ngoài để chế ngự, bên trong nhiếp bốn pháp, bên ngoài chế ngự Tín giải, cho nên thí dụ Thành trì. Tương ứng với hai loại Tâm thành của Thiện pháp: một là khéo Thuyết pháp, hai là Tỳ-nại-da.

Trong giải thích bài tụng thứ tám phân thành ba đoạn:

1. Giải thích hai câu đầu.

2. Từ câu “tâm kia khi Định này chánh an trụ” trở xuống, giải thích câu thứ ba, không sinh Ái vị, không có chỗ y chỉ.

3. Từ câu “do chánh phương tiện như vậy” trở xuống, giải thích câu thứ tư.

Trong lược nghĩa, có bốn loại nhiễu loạn, loại thứ nhất tức là hai câu đầu, loại thứ hai và thứ ba tức là câu thứ ba, loại thứ tư tức là câu thứ tư.

Đoạn thứ chín, trong giải thích một bài tụng có bốn đoạn:

1. Giải thích câu thứ nhất.

2. Từ câu “lại nữa, Phật thị hiện nội tịch tĩnh lạc” trở xuống, là giải thích câu thứ hai và thứ ba.

3. Từ câu “như nhân theo vỏ trứng của nó mà sinh gà v.v...” trở

xuống là giải thích câu thứ tư.

4. Từ câu “sự sai biệt trong đây” trở xuống, giải thích lại nghĩa xả Hữu và Hành.

Câu thứ nhất thuyết minh Đắc sai biệt, ba câu sau thuyết minh Xả sai biệt. Câu-xả, nghĩa là ẩn tàng trong vỏ trứng, sau khi đắc Bồ-đề, cùng với thân khi chưa đắc tương tự, gọi là Đẳng sinh, vì tương tự chút ít, bốn Uẩn còn lại gọi là Thân sinh; cùng với nhân hoàn toàn khác nhau, gọi là Bất đẳng sinh. “Nội tịch tĩnh lạc”, là thị hiện riêng mình ở nơi rừng hoang; “và Sa-môn lạc”, là thị hiện trì giới không có hối hận. Hỷ và Lạc do hai thứ Lạc làm nhân thì tâm liền được Định, các Định lực thù thắng có thể xả hai Hạnh. Thọ hạnh là Mạng hạnh. Hữu hạnh là các Uẩn hữu lậu khác. Hữu hạnh thì rộng, Mạng hạnh thì hẹp, từ hạnh rộng mà làm luận, khen ngợi Vô thọ hạnh, đây là chỗ xả Sắc thân mà sinh, thị hiện Hữu lậu cùng với Uẩn hữu lậu trước tương tự, tên gọi cùng với trước đồng nhau, chính bốn Uẩn vô lậu đó gọi là Thân sinh, không phải chỗ thị hiện xả cho nên cùng với Uẩn hữu lậu trước không đồng nhau, do đó cả hai đều sai biệt, Sắc thân như còn ẩn tàng trong vỏ trứng, bốn Uẩn vô lậu như phá vỏ trứng mà ra, như gà v.v... sinh nở. Sai biệt cũng vậy, là Phật Thế Tôn nếu không vứt bỏ các Thọ hạnh v.v... điều này có hai thuyết:

1. Phật thọ một trăm tuổi, nhưng chỉ có tám mươi tuổi, đã xả phần thứ năm hai mươi tuổi làm một phần thọ lượng, cho nên trong kinh phần nhiều nói Phật Ca-diếp, vào thời kỳ loài người thọ hai vạn tuổi thì xuất hiện nơi đời, Thích-ca thì khi loài người thọ một trăm tuổi mới xuất hiện nơi đời.

2. Phật Thích-ca phần lớn là phải thọ một trăm hai mươi tuổi, bốn mươi tuổi làm một phần, nhưng chỉ có tuổi tám mươi, là đã xả phần thọ thứ ba. Các giáo phần nhiều nói, loài người của châu này phần nhiều thọ một trăm hai mươi lăm tuổi, Đông thắng thần châu thọ hai trăm năm mươi tuổi v.v... là để hiển thị cõi này được tự tại, lưu giữ thân ba tháng là để hiển thị đối với Mạng được tự tại mà xả các phần khác, nhưng lấy chỗ có phước nghiệp của các phần khác bố thí cho các đệ tử.

Trong lược nghĩa, “và hiển vứt bỏ chỗ nương vào nhân duyên”, là hai Lạc làm nhân thì Định tự tại.

- Đoạn thứ mười, một bài tụng có ba phần:

1. Nương vào các giải thích.
2. Phân rõ lược nghĩa.
3. Những kẻ ác.

Lại nữa, “Nương vào tại gia và xuất gia trong ba cõi” là phân tích lược nghĩa. “Nương vào kẻ Ái tại gia trong cõi Dục”, là để giải thích tụng này. “Không phải số học”, nghĩa là không phải số ghi bao quát.

Đoạn thứ mười một, trong một bài tụng phân làm bốn phần:

1. Nói khắp về ba cầu.

2. Từ câu “Dục cầu trong đây có tâm nhiếp” trở xuống, là giải thích câu thứ nhất.

3. Từ câu “hoặc Lạc của Sa-môn và Bà-la-môn” trở xuống, giải thích câu thứ hai.

4. Từ câu “Lại nữa, đây là tất cả ba môn nhiếp” trở xuống, giải thích hai câu sau.

Đoạn thứ mười hai, trong giải thích một bài tụng:

1. Trụ đều là Vô ái.

2. Hý luận đều là Vô ái.

3. Vượt tường Ly ái.

4. Vượt hào Ly ái.

Cho nên nói A-la-hán vĩnh viễn lìa Tham ái, do bốn tướng đó mà đạo chơi các thế gian, nhưng trời người không biết.

Giải thích vẫn có hai đoạn:

1. Giải thích nửa bài tụng dưới, khen ngợi Mâu-ni đạo chơi các thế gian, trời người không biết, A-la-hán gọi là Mâu-ni, vì chứng Tịch mặc pháp.

2. Từ câu “Tại sao chư A-la-hán ly ái” trở xuống, là giải thích nửa bài tụng trên, hiển thị hình ảnh riêng của Ly ái có bốn tướng. “Chủ ma oán”, là chỗ gọi Tham ái.

Trong Lược nghĩa, “hổ thẹn chỗ không đáng hổ thẹn”, tâm thuộc tài sản của người khác là chỗ không đáng hổ thẹn, vì sinh khởi nhỏ nhẹ cho nên gọi là hổ thẹn chỗ không đáng hổ thẹn; mưu tính kinh doanh thuộc tài sản của mình, gọi là chỗ đáng hổ thẹn; đam mê vui chơi và trói buộc nhiếp, gọi là đáng hổ thẹn mà không hổ thẹn, hợp chung thành Xứ thứ nhất. Tâm có đoạn diệt gọi là không đáng sợ; quả trách, hủy báng và siêng cần tiến tới, gọi là sinh kiến giải sợ sệt; sinh Thiên buông lung hưởng lạc, gọi là đáng sợ; khen ngợi tâm hy vọng, gọi là không sinh kiến giải sợ sệt, là Xứ thứ hai vọng sinh chút ít khinh khi hủy báng.

Đoạn thứ mười ba, trong một bài tụng, “huân trừ”, Huân là huân tập tu hành, Trừ là trừ diệt.

Đoạn thứ mười bốn, trong giải thích một bài tụng, vẫn phân làm bốn đoạn:

1. Giải thích câu thứ nhất.

2. Từ câu “hoặc có thì có thể đối với khéo thuyết pháp” trở xuống, giải thích câu thứ hai.

3. Từ câu “như vậy khéo tu chánh phương tiện” trở xuống, giải thích câu thứ ba.

4. Từ câu “Lại nữa, tu như chỗ đắc đạo ở trước” trở xuống, giải thích câu thứ tư. “Thọ trì bảy thứ nương vào sự phước nghiệp”, câu này có hai thuyết:

1. Tức là bảy Thánh tài, bố thí rất tăng thượng, đó là lý do nói riêng về nó.

2. Trong phần tám bố thí ở trước, ngược lại bảy bố thí đầu tiên thì có lỗi bố thí, càng nên suy xét.

Đoạn thứ mười lăm, trong giải thích một bài tụng phân làm ba đoạn:

1. Giải thích câu thứ nhất, “Tất cả chúng”, là mười Ác nghiệp đạo. “Tất cả nhân duyên”, là ba loại căn bất thiện, có thể phát sinh Nghiệp đạo và Cứu cánh. “Tất cả xứ sở”, là cảnh vật chất dụng cụ v.v... của Tình và Phi tình.

2. Từ câu “sau đó do ba tướng” trở xuống, giải thích câu thứ hai, nương vào Giới mà khởi Định, nương vào Định mà khởi Tuệ, nương vào Tuệ mà chứng Cảnh, gọi là ba tướng, cho nên thông với hai Xứ.

3. Từ câu “như vậy đầy đủ” trở xuống, giải thích câu thứ ba, không giải thích câu kết thứ tư.

Trong Lược nghĩa, “Tam học” là hai câu đầu. “Học quả” là câu thứ ba. “Không cùng với người khác học chung” là câu thứ tư.

Đoạn thứ mười sáu, trong giải thích một bài tụng:

1. Giải thích câu thứ nhất; từ câu “khó có thể điều phục” trở lên, giải thích khó điều phục; từ câu “tuy gượng ở yên” trở xuống, giải thích khinh tháo, là cử chỉ khinh suất hấp tấp, tánh tập quen dễ dãi.

2. Từ câu “tuy gượng ở yên tịch chỉ bên trong” trở xuống giải thích câu thứ hai.

3. Từ câu “chư Thánh đệ tử đối với như vậy” trở xuống giải thích câu thứ ba.

4. Từ câu “sau đó do Chánh định như vậy” trở xuống giải thích câu thứ tư.

Trong lược nghĩa, “Tả đạo”, trái với Chánh đạo lý, là hai câu trên. “Không tùy theo tâm Tả đạo”, là câu thứ ba. “Chỗ đắc thắng lợi”, là câu thứ tư.

Đoạn thứ mười bảy, trong giải thích một bài tụng, câu thứ nhất là tổng Sở nhân, ba câu sau là công đức Sở đắc, một là có thể ăn mà xa lìa hương vị, hai là Tĩnh lực, ba là thường vứt bỏ, bốn là Niệm, là thọ Vô nhiễm hỷ lạc. Đạn, là kiên nhẫn khiếp sợ. Vô đạn, là không có sự khiếp sợ này. Giải thoát hỷ lạc là Vô vi, Vô nhiễm hỷ lạc là Hữu vi.

Trong Lược nghĩa, Sở tác của Tỳ-bát-xá-na là khen ngợi Tĩnh lực, do suy xét kỹ đạo lý mà đạt được Tỳ-bát-xá-na, trở thành Sở tác của nó, cho nên trước nói Tĩnh lực, sau đó nói Tuệ tác.

Đoạn thứ mười tám, trong một bài tụng, hai câu đầu là chỗ thành tựu năm chi, hai câu sau là chỗ đoạn năm chi:

1. Không có công xảo, là không có bốn sự:
  - a. Không kiêu căng tà nghiệp nuôi mạng.
  - b. Không y nhà có thế.
  - c. Không theo quy củ các dòng họ cao quý.
  - d. Không trái giả trá thọ lãnh.

Thánh nói thế gian Dị sinh nương vào Công xảo làm nghiệp, đợi chờ phi pháp mà mong cầu tâm chân thật. Bí-sô thì không như vậy, không dựa vào bốn sự này mà khởi phi pháp, mong cầu tâm âm mặc cũng như thế gian kia.

2. Không khinh khi tự mình, là nếu đối với ăn mặc phi pháp mà tham lam tụ tập, không trì y bát, thì gọi là khinh khi tự mình. Bí-sô thì không như vậy, không coi nhẹ tự mình.

3. “Lạc thù thắng hy vọng ưa thích”, là Sa-môn hy vọng ưa thích Học xứ, kiên cố cấm giới.

4. Lạc chư căn, là Lạc sinh Hỷ căn thì Tịnh mạng đầy đủ hoan hỷ; Lạc sinh Tuệ căn thì nhập Hiện quán v.v...; Lạc sinh Niệm căn thì khiến trừ các ác.

5. Tận giải thoát, Kết phước, Triền chủng đều là giải thoát, gọi là thành năm chi:

- a. Không có nhà là trọn không xả Giới thoái về lưới tục.
- b. Không có chỗ tích trữ là thọ tài và thọ cảnh.
- c. Không có hy vọng là không mong tài và mạng, biết mà nói dối.
- d. “Đoạn dục” là đều cho và nhận.
- e. Độc hành là Tham dục đã tận, không có bạn, một mình dạo chơi, lìa Phi phạm hạnh, khéo đạt nhân quả, các ác đều tận, không chấp nhân ác là không có nhân chiêu cảm quả, gọi là đoạn năm chi, tùy theo nghiệp thế của nó mà phối hợp giải thích văn.

Đoạn thứ mười chín, trong giải thích một bài tụng:



1. Giải thích câu thứ nhất.

2. Từ câu “lại nữa, đây là hiện tại tùy theo tự thể của nó” trở xuống, giải thích câu thứ hai.

3. Từ câu “nếu có thông tuệ là do bốn tướng này” trở xuống, giải thích câu thứ ba.

4. Từ câu “kia có thể siêu độ” trở xuống, giải thích câu thứ tư. “Tâm” là nói chung tám Thức. “Vô lượng sai biệt tự thể triển chuyển” là tâm của ba tánh v.v... sai biệt mà chuyển. “Và nhân triển chuyển” là các tâm trước làm nhân mà sinh các tâm của tự thể sau, hoặc tâm Chủng tử và các duyên khác có thể sinh Thể của tâm, đều gọi là nhân triển chuyển. Từ câu “tiền tế không thể biết cho nên gọi là Viển hành” trở xuống, quyển 57 giải thích Viển hành có hai nghĩa là Vô thủy thời và Duyên khắp các cảnh giới. Quyển luận đó nói thiên về Ý thức tác nghiệp, luận này thì thông với tất cả, cho nên không trái nhau. “Riêng từng một Thức mà chuyển”, vì không có Nhân thức thứ hai đồng một thời mà sinh, cũng không phải tất cả chủng. “Tâm ba tánh, vì nhanh chóng hiện tiền, cho nên gọi là Độc hành”. Quyển 57 có hai nghĩa: một là riêng từng một Thức chuyển, hai là không có chủ tế, cho nên gọi là Độc hành. Trong đây Nhân viển hành ở trước, là nói Thức từ duyên mà khởi, vì nương vào văn dễ dàng. “Đã ngăn trách Vô tác”, là Độc hành, trong lược nghĩa cũng không trái nhau. “Nhưng tâm thể này, hiện tại khi khởi thì tâm tánh bất định, luôn luôn tăng thêm triển chuyển thì dễ gián đoạn”, gọi là không rốt ráo chuyển. Rốt ráo nghĩa là trước sau tương tự tương tục. Năm căn như Sắc v.v... của nó, hoặc đồng với Dị thực, khác với Trưởng dưỡng, tuy ban đầu thì mờ yếu, nhưng sau đó thì sáng và thù thắng. “Trước sau tương tự tương tục mà sinh”, gọi là rốt ráo chuyển. “Khi chủng chủng phẩm loại là Dị sinh thì sinh, Dị diệt thì diệt”. Chữ “Dị” nghĩa là riêng khác, là ba tánh phẩm loại riêng khác với Dị sinh, như thiện tâm riêng khác với hai tánh phẩm còn lại, khi Sinh thì mới sinh thì khác với hai tánh phẩm còn lại, khi Diệt thì mới diệt, là hai tánh còn lại cũng vậy. Lại nữa, như Tham câu phẩm trong Phiền não khác với các phẩm còn lại, hoặc Sinh hoặc Diệt, nhưng tâm thể kia tự tánh không phải nhiễm, Thể và tánh Nhiễm của nó trước sau tương tự bất khả đắc, và do tâm tánh vốn thanh tịnh mà Thể nhiễm của nó bất khả đắc, cho nên không thành thật, gọi là không có thân. Trong đây có ý nói, tâm thể nhanh chóng lui mất, dị loại mà sinh diệt. “Không rốt ráo chuyển, không đồng sắc tướng, trước và sau tương tự, rốt ráo mà chuyển, và không có Thể nhiễm cho nên gọi là không có thân”, quyển



57 ghi: “Không có Sắc thì không thấy, cũng không có đối, cho nên gọi là không có thân trong đời vị lai này”. Theo Nghĩa lý môn của sư kinh bộ mà nói, là có tâm Tùy miên, ở vào bốn Thức mà trụ, có thể đối với đời sau từ Tùy miên mà khởi, có vãng có lai, duyên trải qua cảnh nghĩa, gọi là ngủ trong hang. Thức chủng vị lai hiện ở vào Thức mà trụ, tương lai có thể sinh là nghĩa ngủ trong hang. Y theo Chân thật lý môn giải thích văn này, là nếu Thức của đời vị lai ở vào Thức mà trụ, thì Bản thức trong đời hiện tại mới có Tùy miên, có thể đối với đời sau có nghĩa vãng lai, gọi là ngủ trong hang. Quyển 57 ghi: “Nương vào Sắc, gọi là ngủ trong hang”, luận đó nói có cõi Sắc thức không phải Thức vị lai, đây là nói chung Thức của ba cõi và nói ba đời riêng Thức, để giải thích văn tụng, lý không trái nhau. Viễn hành, là nói Thức quá khứ có hai nghĩa Độc hành và Vô thân. Nói Thức hiện tại ngủ trong hang, là nói Thức vị lai, tức là bốn nghĩa Thức của ba đời gọi là bốn tướng, không phải quá đời khứ và vị lai mới không có nghĩa Độc hành và Vô thân; Dụng hiện tại có thể biết, từ tăng trưởng mà nói hiện tại.

Trong Lược nghĩa, “nhiễm ô trong thời gian dài”, tức là tiền tế không thể biết. Vô tác là tánh, là nghĩa của tâm tự thể triển chuyển và nhân triển chuyển, đây là cũng giải thích Viễn hành. Đối với tánh của đời hiện tại là sát-na, Tham, Sân v.v... chuyển dịch không rốt ráo chuyển, cho nên tự tánh thanh tịnh, Thể của Nhiễm ô không thành thật, đây là giải thích Vô thân, nhưng thiếu Độc hành đối với đời vị lai có nghĩa phóng dật, đối với đời sau có nghĩa vãng lai, tức là ngủ trong hang. “Do Bất phóng dật cho nên thanh tịnh, tức là Thông tuệ”, là biết rõ Tâm kia trụ trên đất liền, là nửa bài tụng kể dưới.

Đoạn thứ hai mươi, có mười bài tụng, có năm câu vấn đáp, hai bài tụng làm một câu, đều là hỏi trước, đáp sau. Trong giải thích có hai phần là tổng chỉ ra tụng của kinh và tùy giải thích riêng. “Ba-la-diên”, là tên kinh. “A-thị-đa”, tức là Vô Năng Thắng, là tên chữ của Di-lặc. Giải thích văn phân ra năm đoạn:

1. “Từ câu “muốn nói thế gian” trở xuống là giải thích câu đáp thứ nhất.
2. Từ câu “lại nữa, người ác thuyết pháp là do Vô minh môn” trở xuống, giải thích câu đáp thứ hai.
3. Từ câu “lại nữa, người ác thuyết pháp và người tại gia” trở xuống, giải thích câu đáp thứ ba.
4. Từ câu “cho đến pháp kia chưa vĩnh viễn diệt” trở xuống, giải thích câu đáp thứ tư.

5. Từ câu “nếu chư Hữu học ở đây xứng với Loại mà hiểu rõ” trở xuống, giải thích câu đáp thứ năm.

Năm đoạn này đều là căn cứ theo giải thích câu đáp, không giải thích theo chỗ thỉnh nói tụng, gồm:

1. Thuyết minh nhiệm ô hoặc nhân hoặc quả.
2. Thuyết minh có thể đoạn các Thể của nhân nhiệm.
3. Thuyết minh Uẩn diệt vị của Tổng quả và Biệt quả.
4. Thuyết minh đối với hai Thọ không sinh mừng vui, đặc sáu thứ Hằng trụ chỉ có Vô học pháp, cuối cùng là Chung tận vị.
5. Thuyết minh chỗ làm nhiều sự của Dị loại chư Hữu học.

Trong bài tụng thứ nhất:

1. Giải thích câu thứ nhất, ba loại thế gian là chung thế gian, hai loại thế gian là biệt lập trong ba loại thế gian.

2. Từ câu “người thiện thuyết pháp là do có Minh” trở xuống, giải thích câu thứ hai.

3. Từ câu “nếu chư tại gia khác loại với bạch y” trở xuống, giải thích ba câu sau.

Ba Hý luận gồm:

- 1.. Ba loại Ngôn sự.
- 2.. Bốn loại Ngôn thuyết.
- 3.. Tầm tứ ba loại Ngôn sự. Đó là pháp của ba đời.

Bốn loại ngôn thuyết là Kiến, Văn, Giác, Tri. Ngôn sự chỉ gọi là Hý luận, vì là Sở phân biệt. Nghịch thuận tư duy gọi là dính nhiệm, vì là Năng phân biệt, có thể tăng trưởng, có thể tùy tăng trưởng.

Trong đây từ câu “người ác thuyết pháp bị Vô minh che lấp” trở xuống, là giải thích câu thứ tư, ba câu đầu là Nhân, một câu này là Quả. Câu thứ nhất là Vô minh, câu thứ hai là Phóng dật, câu thứ ba là Thuận nghịch tư duy, là giải thích trong câu đáp thứ hai. Từ câu “lại nữa, người ác thuyết pháp” trở xuống, giải thích câu thứ nhất. Từ câu “như vậy Vô minh, Hý luận và Phóng dật” trở xuống, giải thích câu thứ hai. Từ câu “hoặc xuất thế gian là chỗ nhiếp của Chánh kiến” trở xuống, giải thích câu thứ tư. Từ câu “đối với Lưu lậu này hoặc ẩn nấp hoặc vĩnh viễn” trở xuống, giải thích câu thứ ba. Giải thích y theo nghĩa, thì bài tụng kể đó tùy theo văn được thuận tiện, trước và sau không đồng.

Trong giải thích câu đáp thứ ba, có hai phần:

1. Từ câu “lại nữa, người ác thuyết pháp và người tại gia” trở xuống là giải thích khắp hai phẩm nhiệm tịnh, hai loại sai biệt của Hiển liễu và Bất hiển liễu.

2. Từ câu “chữ A-la-hán ở đây đã hiển liễu” trở xuống là tổng giải thích ý của tụng. Đã Hiển liễu là A-la-hán. Xứng với Hiển liễu là chữ Hữu học.

Trong giải thích câu đáp thứ tư, cũng tổng giải thích ý tụng. Trong giải thích câu đáp thứ năm có bốn phần.

1. Từ câu “cho đến Sở tác của Uyỷ tất” trở xuống, giải thích câu thứ nhất, một là Thường sở tác, hai là Uyỷ tất sở tác. Hai loại này đáng làm thêm nữa, vì không phải sự Phóng dật, vì thông với Sở tác của tất cả Hữu học.

2. Từ câu “dị loại của Hữu học hoặc là chữ Hữu học” trở xuống, giải thích câu thứ hai, có hai lần giải thích, lần thứ nhất nói phần kết trên và dưới hợp chung gọi là tâm Nhiễm ô, Vô nhiễm tức là tâm Vô trược; lần thứ hai từ câu “lại nữa, đối với các Dục không đam nhiễm” trở xuống là giải thích riêng hai câu kết, không phối hợp với nghĩa Vô nhiễm và Vô trược.

3. Từ câu “lại nữa, đối với tất cả pháp Hữu khổ” trở xuống, giải thích câu thứ ba.

4. Từ câu “tu tập như trước” trở xuống, giải thích câu thứ tư.

Đoạn thứ hai mươi mốt, trong giải thích sáu bài tụng, phân sáu đoạn:

1. Từ câu “như vậy tổng gọi chữ Dục ái vị” trở lên, giải thích bài tụng thứ nhất.

2. Từ câu “lại nữa, tâm hy vọng kia” trở xuống, giải thích bài tụng thứ hai.

3. Từ câu “lại nữa, rấn độc” trở xuống, giải thích bài tụng thứ ba.

4. Từ câu “lại nữa, tự tánh của các Dục” trở xuống, giải thích bài tụng thứ tư.

5. Từ câu “lại nữa, đối với Sự dục” trở xuống, giải thích bài tụng thứ năm.

6. Từ câu “hoặc đối với các Dục” trở xuống, giải thích bài tụng thứ sáu.

“Các thứ châu báu v.v... gọi là Cộng tương ưng”, là đồng với số của bảy báu, tức là có thể trùng điệp lên, tất cả xứ đều dùng, ngược lại điều này thì gọi là Bất tương ưng. Từ đây trở xuống, trong tụng, ba bài tụng đầu thuyết minh chữ Hữu học quán Nhiễm xa lìa, ba bài tụng sau thuyết minh chữ Vô học quán Nhiễm vĩnh viễn dứt tuyệt.

Trong lược nghĩa, Sự dục gọi là Ái vị, Dục gọi là tội lỗi, đoạn hai thứ này gọi là Xuất ly; ba bài tụng đầu như thứ tự mà phối hợp; hai bài

tụng kệ nói Ái vị có thể làm tội lỗi; một bài tụng cuối là công đức Xuất ly.

Đoạn thứ hai mươi hai, trong một bài tụng rưỡi, văn phân làm ba đoạn:

1. Tổng giải thích ý tụng.

2. Từ câu “là có thể xả ly” trở xuống, riêng hiển năm sự Tương thuộc, giải thích văn tụng.

3. Từ câu “do năm tướng này” trở xuống, kết luận tu Phạm hạnh là cực thành hiền thiện.

“Các pháp của Sắc v.v... và An lập kia”, là Sở thuyên và Năng thuyên. Câu thứ nhất là pháp, câu thứ hai là Tỳ-bát-xá-na; nghĩa là câu thứ nhất là Học thành mãn, câu thứ hai là Phần vị. Quyển trước có năm đoạn, quyển này có hai mươi hai đoạn, hiện tại trong Thành luận nghị có hai mươi bảy đoạn. Trong thể nghĩa Đà-đà có ba phần, một bài tụng cuối này là đoạn thứ ba, lấy mười bốn môn kết với nghĩa của tụng trên làm Luận nghị để thuyết minh Thể nghĩa của Đà-đà, gọi là Luận nghị.

-----

